TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯỚNG HÓA** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST Ngày 18 - 3 - 2025 *V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HOÁ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Trung và bà Phạm Thị Thanh Bình.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đinh Đức Thiện - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Hoài Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2024/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 21/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07/3/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1986; Nơi thường trú: Đội 2, thôn T, xã HL, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Văn Đức S, sinh năm 1983; Nơi thường trú: Thôn L, xã TL, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; Vắng mặt lần thứ 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị M và anh Văn Đức S tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị vào năm 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại thôn Long Thành, xã Tân Long, huyện Hướng Hóa và sống hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng đến năm 2022 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh S thường xuyên uống rượu, không chăm lo cho gia đình, thiếu sự tôn trọng dành cho vợ. Chị M đã chịu đựng và khuyên ngăn nhưng anh S vẫn không thay đổi nên chị M đã về ở tại nhà bố mẹ

của chị M tại đội 2, thôn Tích Tường, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị từ tháng 3/2024 đến nay. Vì vậy, chị Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn anh Văn Đức S.

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị M và anh Văn Đức S có 01 con chung là cháu Văn Đức H, sinh ngày 09/9/2012. Khi ly hôn, chị M có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Huy và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản ngày 25/12/2024 bị đơn anh Văn Đức S có ý kiến như sau: Anh S vẫn còn tình cảm với chị M, vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không to tát và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, tiếp tục chung sống với nhau, nuôi dạy con cái.

Tài liệu, chứng cứ đương sự cung cấp:

Nguyên đơn cung cấp chứng cứ: 01 Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); 01 Giấy khai sinh của con (Bản phô tô chứng thực); 01 Căn cước công dân Nguyễn Thị M (Bản phô tô chứng thực); 02 xác nhận thông tin nơi cư trú;

Bị đơn cung cấp: Không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Tòa án thu thập chứng cứ: 01 Biên bản xác minh tại thôn Long Thành, xã Tân Long, huyện Hướng Hóa; 01 Biên bản xác minh tại Công an xã Tân Long, huyện Hướng Hóa.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã được thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa được tiến hành công khai, công bằng. Bảo đảm sự vô tư, khách quan trong tố tụng dân sự. Đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48, 51, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Văn Đức S.

Về con chung: Giao cháu Văn Đức H, sinh ngày 09/9/2012 cho chị Nguyễn Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên và có khả năng lao động. Anh Văn Đức S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết, Tòa án đã cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Văn Đức S theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, anh Văn Đức S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Văn Đức S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Văn Đức S tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị đúng theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Qua xác minh tại địa phương về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng thì không rõ nhưng hiện nay chị M và anh S không chung sống với nhau. Chị M đã về sinh sống cùng với bố mẹ đẻ của chị M tại đội 2, thôn Tích Tường, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị từ tháng 3/2024 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh S có nguyện vọng vợ chồng được đoàn tụ nhưng anh S đều vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, điều đó thể hiện anh S không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh S. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Văn Đức S.

[2.2]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Văn Đức S có 01 con chung là cháu Văn Đức H, sinh ngày 09/9/2012. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay chị M và anh S không chung sống với nhau và cháu Văn Đức Huy đang do chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại biên bản lấy ý kiến ngày 09/01/2025 thì cháu H có nguyện vọng được ở với mẹ là chị M, quá trình giải quyết vụ án anh S không có ý kiến gì về con chung. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị M, giao cháu Văn Đức Huy cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị M không yêu cầu anh Văn Đức S cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị M ly hôn anh Văn Đức S (Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày, quyển sổ 01/2011 ngày 09/11/2011 tại UBND xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị).

2. Về con chung: Giao cháu Văn Đức H, sinh ngày 09/9/2012 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Văn Đức S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án ký hiệu BLTU/2023 số 0000270

ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị (chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Hướng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hướng Hóa;
- UBND xã Hải Phú, huyện Hải Lăng;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Huy